

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/DS-PT

Ngày: 09 - 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Trang**.

*Các Thẩm phán:* Bà **Trần Thị Diệu**;  
Ông **Hàng Lâm Viên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Phóng Hà Vy** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Hồng Hiền** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 06 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2024/QĐ-PT ngày 23/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐ-PT ngày 21/8/2024:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn N**, sinh năm: 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Bị đơn:** Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Người làm chứng:** Bà **Hồ Thị Ngọc T1**, sinh năm: 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Ông **Lê Văn T** là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:***

Ngày 20.8.2022 tại quán C ông có cho vợ chồng ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị Kim D vay số tiền 305.000.000 đồng, có lãi suất theo thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 06 tháng (từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023).

Ông và vợ chồng ông T, bà D có mối quan hệ thân tình như anh em trong gia đình. Nên ông T có đặt vấn đề với ông, hỏi vay mượn tiền để giải quyết công việc gia đình cũng như là đầu tư thêm vào quầy thuốc tại nhà để kiếm thêm thu nhập. Từ năm 2020 đến năm 2022, việc vay mượn xảy ra rất nhiều lần từ số tiền nhỏ đến số tiền lớn, khi vay hai bên cùng ngồi lại chốt khoản tiền bên vay còn nợ bên cho vay. Sau đó ông lại cho ông T vay và ghi nợ bằng một giấy ghi nợ mới, hủy bỏ giấy ghi nợ cũ. Nội dung giấy vay và nhận tiền mới được đọc lại cho hai bên cùng nghe, sau khi ông và ông T cùng ký thì ông T chuyển những giấy vay tiền mới này về cho bà D ký, ít ngày sau ông T trả lại cho ông một bản để làm bằng chứng. Giấy nhận nợ cuối cùng ghi ngày 20.8.2022, sau khi tính toán thì ông T còn phải trả số tiền 306.000.000 đồng nhưng ghi trong giấy vay và nhận nợ là 305.000.000 đồng. Ông T là người trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền này. Sau đó, ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà D không thực hiện. Tất cả số tiền 305.000.000 đồng này đều là tiền của ông. Từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2023 ông T đã trả 5 tháng tiền lãi, tổng cộng là 25.000.000 đồng.

Nay ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T, bà D trả cho ông số tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn của 01 tháng còn thiếu (tháng 02/2023) là 5.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2024. Tiền lãi/tháng cụ thể:  $1.64\% \times 150\% \times 305.000.000 \text{ đồng} / 100 = 7.503.000 \text{ đồng} \times 459 \text{ ngày} = 113.223.000 \text{ đồng}$ . Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu tính tiền nợ lãi quá hạn từ khi kết thúc thời hạn vay đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 21/02/2023 đến ngày 25/4/2024) theo lãi suất quy định của pháp luật (20%/năm) với số ngày quá hạn là 429 ngày.

***Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:***

Vào khoảng tháng 6/2020 ông có vay của ông Trần Văn N số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền nhưng không ghi ngày tháng năm, và ông đã nhận đủ tiền từ ông N. Chữ ký “T, Lê Văn T” trên giấy vay tiền là do ông tự ký và viết ra. Riêng chữ ký “Dung, Huỳnh Thị Kim D” cũng do ông ký và viết, việc vay mượn này bà D không biết. Hàng tháng ông có trả lãi cho ông N

mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông đã trả được khoảng 9 tháng tiền lãi. Trên thực tế giữa ông và ông N có vay mượn từ năm 2020 đến nay, từ số tiền ít lên số tiền nhiều. Mỗi lần vay mượn thì ông N có soạn sẵn giấy giao và nhận tiền, rồi ông N bảo xé tờ giấy cũ đưa tờ giấy mới. Trong giấy vay tiền tháng 6/2020; ngày 29/3/2021; ngày 01/7/2021; ngày 20/3/2022 và ngày 10/7/2022 không ghi lãi suất và không thỏa thuận lãi suất. Lần gần nhất là giấy giao nhận tiền và cam kết hai bên ngày 20/8/2022 giữa ông và ông N có thể hiện số tiền 305.000.000 đồng từ ngày 20/8/2022 đến hết ngày 20/02/2023, thỏa thuận lãi suất vay là 5.000.000 đồng/tháng. Ông trả lãi cho ông N được 04 tháng là 20.000.000 đồng. Mỗi lần trả lãi ông đều không làm giấy tờ, chỉ đưa tiền và bỏ phong bì rồi đưa cho ông N. Tổng cộng ông đã trả cho ông N được 29.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 01/2023 đến nay ông chưa trả cho ông N được số tiền lãi nào. Thực tế, ông chỉ vay của ông N 20.000.000 đồng, còn đối với số nợ 305.000.000 đồng thì ông không nhận. Với thái độ rất hung dữ, đe dọa những lời lẽ ghê gớm, ông N buộc ông phải ký vào giấy giao nhận tiền ngày 20/8/2022 và đòi ông trả tiền, nhưng trên thực tế không có vay mượn số tiền như trên. Ông có nói với ông N là ông chỉ vay mượn 20.000.000 đồng, tại sao ông N lại bắt ông ký vào các giấy vay tiền trên thì ông N im lặng. Nay ông N yêu cầu vợ chồng ông trả cho ông N số tiền 305.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông phải chịu lãi suất 20%/năm do pháp luật quy định từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, ông có ý kiến như sau:

Ông không đồng ý trả cho ông N số tiền nợ gốc 305.000.000 đồng và tiền nợ lãi, vì hiện nay đang gặp khó khăn làm ăn thất bại. Việc vay mượn bà Huỳnh Thị Kim D hoàn toàn không biết và không ký, viết vào các lần vay mượn. Nên ông N khởi kiện bà D là không chính xác, vì chữ ký và viết là do ông tự ký rồi đưa cho ông N.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Kim D, rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại đối với bị đơn ông Lê Văn T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N buộc ông Lê Văn T trả tiền nợ gốc 305.000.000 đồng và tiền lãi.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Huỳnh Thị Kim D cùng liên đới trả số tiền 305.000.000 đồng và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Nguyên đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Buộc ông Lê Văn T phải trả cho ông Trần Văn N tổng cộng cả gốc và lãi suất số tiền là **381.696.000 đồng** (*Ba trăm tám mươi một triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là **305.000.000 đồng** (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*), tiền lãi là **76.696.000 đồng** (*Bảy mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 25/4/2024, bị đơn ông Lê Văn T làm đơn kháng cáo với nội dung: *Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm. Ông T chỉ chấp nhận trả cho ông Trần Văn N số tiền vay 20.000.000 đồng; K đồng ý trả số tiền vay 305.000.000 đồng vì ông N uy hiếp tinh thần, ép buộc ký giấy giao nhận tiền cam kết hai bên, không có việc giao nhận tiền nên hợp đồng ngày 20/8/2022 vô hiệu; Không chấp nhận trả số tiền lãi ông N yêu cầu.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tranh luận:* Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tranh luận:* Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa bản án dân sự sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2022 vô hiệu.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

*Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.*

*Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.*

*Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 07 tháng 5 năm 2024 bị đơn ông Lê Văn T nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận đã ký vào Giấy giao nhận và nhận tiền và cam kết hai bên ngày 20/8/2022 nhưng cho rằng bị nguyên đơn ép buộc, đe dọa và cung cấp 01 USB. Trong nội dung USB này, bị đơn thừa nhận chứng cứ này do bà T1 là người ghi âm vào ngày 13/4/2023 chuyển cho.

[3.2] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn cung cấp cho Tòa án các giấy giao và nhận tiền vào các ngày: ngày 29/3/2021, ngày 01/7/2021, ngày 20/3/2022, ngày 10/7/2022, ngày 20/8/2022 giữa bị đơn và nguyên đơn và cho rằng nguyên đơn bắt ký vào các giấy vay tiền này nhưng thực tế không có đưa tiền cho bị đơn. Khi được hỏi tại sao nguyên đơn ông N không đưa tiền mà bị đơn vẫn ký giấy vay nợ mà không làm đơn gửi đến cơ quan công an thì bị đơn không đưa ra được lý do chính đáng.

[3.3] Xét: Hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Văn N và ông Lê Văn T ngày 20/8/2022 với số tiền 305.000.000 đồng có đầy đủ nội dung tên, địa chỉ người vay, người cho vay, loại tài sản cho vay, ngày vay, thời hạn trả, lãi suất. Hợp đồng vay đã được các bên đọc lại và ký xác nhận nên hợp đồng vay này là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả được 25.000.000 đồng tiền lãi từ 21/8/2022 đến 20/01/2023; bị đơn cho rằng mình đã trả được 29.000.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ. Đây là hợp đồng vay tiền, có lãi và có thời hạn. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ

nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới, khác nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[5] Về án phí:

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê Văn T phải chịu **19.084.800** (*Mười chín triệu không trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm*) **đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

*Án phí dân sự phúc thẩm:* Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo ông Lê Văn T phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

**Tuyên bố:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào: Các điều 26, 35, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự; Các điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Huỳnh Thị Kim D cùng liên đới trả số tiền 305.000.000 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Nguyên đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N.

Buộc ông Lê Văn T phải trả cho ông Trần Văn N tiền gốc là **305.000.000** đồng (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*), tiền lãi là **76.696.000** đồng (*Bảy mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Tổng cộng là **381.696.000** đồng (*Ba trăm tám mươi một triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.*

Về án phí:

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê Văn T phải chịu **19.084.800** (Mười chín triệu không trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Án phí dân sự phúc thẩm:* Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu **300.000 (Ba trăm ngàn) đồng** án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng số 0003525 ngày 13/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự (3);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Hải (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Trang**